

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2026/KDTM-PT

Ngày: 18/6/2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong 18/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử
phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 152/2026/TLPT-
KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2026 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2025/KDTM-ST ngày
17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3002/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 5
năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8363/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm
2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở chính: 20A đường A, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông D, sinh năm 1988 (Giấy uỷ quyền ngày
21/05/2026).

Địa chỉ: Khu phố B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở chính: 7A/68 đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà M, sinh năm 1992 – có mặt hoặc ông K,
sinh năm 1996 – có mặt (Giấy uỷ quyền số 1120/025/GUQ/TNG ngày 27/10/2025).

Cùng địa chỉ liên hệ: 7A/68 đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các
đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) bán thiết bị hàng rào và vật tư, thiết bị chiếu sáng cho Công ty Cổ phần N (sau đây gọi tắt là Công ty N), theo 09 hợp đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng vật tư, thiết bị chiếu sáng số 2019/HĐNT/NT-S ngày 02/04/2019.
- Hợp đồng mua bán thiết bị điện chiếu sáng số 26/2019/HĐMB-S ngày 12/04/2019.
- Hợp đồng mua bán thiết bị hàng rào số 41/2019/HĐMB-S ngày 10/06/2019.
- Hợp đồng mua bán thiết bị hàng rào số 20/2020/ĐMT THUẬN BẮC/TNG-S ngày 17/4/2020.
- Hợp đồng mua bán thiết bị hàng rào số 20200504/ĐMTTN/TNG-S ngày 04/05/2020.
- Hợp đồng số 20200623/ĐMTTN/TNG-S ngày 23/06/2020.
- Hợp đồng mua bán vật tư số 20201119/HỒ NÚI/TNG-S ngày 19/11/2020.
- Hợp đồng mua bán vật tư số 20201215/ĐMTTN/TNG-S ngày 15/12/2020.
- Hợp đồng cung cấp trụ đèn chiếu sáng số 30062021/HĐMB/TNG-ĐM ngày 25/06/2021.

Sau khi ký kết các hợp đồng nêu trên, Công ty S đã cung cấp đầy đủ các hàng hóa, vật tư, thiết bị cho Công ty N. Tuy nhiên, Công ty N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty S.

Ngày 31/03/2023, Công ty N đã ký bảng xác nhận công nợ với Công ty S. Theo bảng xác nhận công nợ thì Công ty N còn nợ tiền mua hàng đối với Công ty S là 8.412.518.758 đồng.

Ngày 11/04/2023, Công ty S gửi Công văn số 01/2023/SLC-TNG yêu cầu Công ty N thanh toán phần công nợ 8.412.518.758 đồng cho Công ty S.

Ngày 11/05/2023, Công ty N đã gửi cho Công ty S Công văn số 308/023/CV/TNG với nội dung Công ty N xác nhận còn nợ Công ty S số tiền mua hàng là 8.412.518.758 đồng và cam kết sẽ trả tiền cho Công ty S làm hai đợt: Đợt 1 vào tháng 08/2023 trả 50% giá trị công nợ. Đợt 2 vào tháng 12/2023 trả 50% giá trị công nợ còn lại.

Đến hạn trả nợ, Công ty N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S. Do đó, Công ty S đã khởi kiện Công ty N để thu hồi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 09/02/2026, Công ty N đã trả cho Công ty S được 1.000.000.000 đồng. Do đó, tiền nợ gốc mua hàng của Công ty N đối với Công ty S còn lại là 7.412.518.758 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty S yêu cầu Công ty N phải trả ngay cho Công ty S các khoản tiền sau đây:

- Tiền gốc mua hàng còn lại là 7.412.518.758 đồng.
- Tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2024 (ngày Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Công văn số 308/023/CV/TNG ngày 11/05/2023)

đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án ngày 10/03/2026 được làm tròn là 26 tháng, thành tiền lãi là 1.141.919.822 đồng.

- Tiền phạt vi phạm theo quy định trong các hợp đồng và theo Điều 301 Luật Thương mại 2005 với mức phạt là 8% trên phần giá trị của các hợp đồng vi phạm, số tiền phạt là 582.457.913 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty N đồng ý trả cho Công ty S khoản tiền gốc mua hàng còn lại là 7.412.518.758 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 1.141.919.822 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 30/9/2026. Về khoản phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 582.457.913 đồng thì Công ty N đề nghị Công ty S xem xét miễn cho Công ty N.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2026/KDTM-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần N phải trả cho Công ty TNHH S số tiền 9.136.896.493 đồng (Chín tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) gồm: Tiền gốc mua hàng còn lại là 7.412.518.758 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 1.141.919.822 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 582.457.913 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lệ phí, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/4/2026, bị đơn là Công ty Cổ phần N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận áp dụng mức phạt từ 3-5% giá trị hợp đồng bị vi phạm và xem xét chấp nhận lộ trình thanh toán do bị đơn đề xuất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh xem xét thêm nội dung chấp nhận tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm.

Bị đơn rút lại phần kháng cáo về mức lãi phạt vi phạm, chỉ đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận lộ trình thanh toán trong thời hạn 6 tháng vì phù hợp với khả năng tài chính hiện tại của bị đơn. Ngoài ra, bị đơn trình bày thêm có hai hợp đồng thỏa thuận phần tiền lãi chậm thanh toán không vượt quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử nếu có chấp nhận đề nghị nêu trên của nguyên đơn thì áp dụng theo thỏa thuận của các bên đối với hai hợp đồng này.

Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều rút lại ý kiến nêu trên. Nguyên đơn đề nghị y án sơ thẩm. Bị đơn chỉ còn đề nghị được thanh toán theo lộ trình 6 tháng mỗi tháng trả 1/6 số tiền còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 17/3/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 4 xét xử và ban hành Bản án số 30/2026/KDTM-ST. Ngày 01/4/2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 nhận được đơn kháng cáo của bị đơn, công ty Cổ phần N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn, Công ty TNHH S khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn là Công ty Cổ phần N, có địa chỉ phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn là Công ty Cổ phần N kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa án, chấp nhận cho bị đơn thanh toán theo lộ trình và giảm mức phạt còn 3-5% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn rút lại yêu cầu kháng cáo này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét ý kiến của Công ty N về việc xin được trả dần số tiền nợ cho Công ty S theo lộ trình 6 tháng do Công ty N đưa ra nhưng cũng không được công ty S chấp nhận và cũng không dựa trên thỏa thuận nào của các bên, không có căn cứ pháp luật cho yêu cầu này là không phù hợp với Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên y án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 300, Điều 301 và Điều 306 của Luật Thương mại;
- Căn cứ Điều 357, Điều 398 và Điều 401, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;
- Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;
- Căn cứ vào Điều 1; Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2025/KDTM-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần N phải trả cho Công ty TNHH S số tiền 9.136.896.493 đồng (Chín tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) gồm: Tiền gốc mua hàng còn lại là 7.412.518.758 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 1.141.919.822 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 582.457.913 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty Cổ phần N phải chịu 117.136.896 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại.

Công ty TNHH S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh và thương mại. Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 59.245.213 đồng (Năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021875 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần N phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0022573 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 4 Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai

